

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban

hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 2 năm 2024 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 216/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành luật thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ ban hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

Căn cứ Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4891/TTr-STC-ĐKKD ngày 02 tháng 3 năm 2026, ý kiến giải trình tại Công văn số 7278/STC-ĐKKD ngày 26 tháng 3 năm 2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 1711/BC-STP ngày 13 tháng 02 năm 2026 và ý kiến thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập; Quyết định số 74/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 06 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập ban hành kèm theo Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Bình Dương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập; Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Bình Dương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập ban hành kèm theo Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình

Dương; Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Công Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp
hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong việc:

- Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh.
- Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.
- Xử lý vi phạm của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác.
- Báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập; giám sát doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Thuế Thành phố Hồ Chí Minh; Hải quan khu vực II; Bảo hiểm Xã hội Thành phố Hồ Chí minh; Ban Quản lý các Khu chế xuất

và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh; Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố Hồ chí Minh (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đăng ký kinh doanh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ quan chức năng* là cơ quan quy định tại Điều 2 Quy chế này.

2. *Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp* tại địa chỉ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn> là cổng thông tin điện tử do Bộ Tài chính xây dựng, vận hành được sử dụng để tra cứu thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử, công bố thông tin về đăng ký doanh nghiệp và truy cập thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. *Cổng thông tin doanh nghiệp Thành phố* tại địa chỉ <https://doanhnghiep.hochiminhcity.gov.vn> là Cổng Thông tin điện tử do Sở Tài chính xây dựng, vận hành được sử dụng để tra cứu thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư; truy cập thông tin đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư tại Thành phố Hồ Chí Minh; cung cấp, chia sẻ thông tin về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập của các cơ quan chức năng trên địa bàn. Các cơ quan chức năng truy cập vào chương trình Hậu kiểm trên Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố để cập nhật tình trạng pháp lý, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) của doanh nghiệp, nhằm theo dõi, chia sẻ thông tin cho các cơ quan liên quan, phối hợp quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập theo Quy chế này.

4. *Công khai thông tin doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp một cách rộng rãi, không thu phí.

5. *Cung cấp thông tin doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin có nội dung, phạm vi xác định tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

6. *Kiểm tra doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan.

7. *Thanh tra doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh* là hoạt động xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

8. *Trao đổi thông tin doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh* là việc hai hay nhiều cơ quan chức năng cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

9. *Giám sát doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh* là việc các cơ quan chức năng theo nhiệm vụ, quyền hạn tiến hành theo dõi, quan sát mang tính chủ động thường xuyên đối với hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi, địa bàn phụ trách nhằm đảm bảo việc tuân thủ pháp luật.

10. *Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp* là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

11. *Tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh* là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 4. Mục tiêu

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập tại địa phương theo hướng:

- a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước;
- b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước;
- c) Công khai, minh bạch.

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi.

4. Thống nhất sử dụng Công Thông tin doanh nghiệp Thành phố tạo điều kiện

đề các cơ quan chức năng trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp; kiểm tra doanh nghiệp; cập nhật các thông tin về xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động của doanh nghiệp (nếu có), việc chấp hành các quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm quyền; giám sát doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập theo Quy chế này.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan cụ thể. Các cơ quan chức năng quản lý doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan chức năng; mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng.

Các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động thực hiện quản lý nhà nước kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo ngành, lĩnh vực phụ trách; phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác chuyên môn trong việc quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập theo ngành, lĩnh vực phụ trách và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Trường hợp có Nghị định, Thông tư chưa quy định cụ thể tên cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực; Sở, ngành Thành phố chuyên môn thuộc Bộ, ngành ban hành Thông tư hoặc trình Chính phủ ban hành Nghị định, là đơn vị tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh đối với ngành, lĩnh vực theo Nghị định, Thông tư đó.

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh (bao gồm: Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh) sau đăng ký thành lập theo nhiệm vụ, quyền hạn, địa bàn phụ trách. Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính thực hiện kiểm tra, giám sát doanh nghiệp về tính hợp lệ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp khi doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

2. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh của các cơ quan chức năng được thực hiện thông qua văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu và theo đúng quy định. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong kiểm tra doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã hộ kinh doanh.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động bình thường.

Chương II

TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Điều 6. Nội dung thông tin doanh nghiệp

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp, bao gồm: Tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; họ và tên người đại diện theo pháp luật; tình trạng pháp lý của doanh nghiệp; Tên, mã số, địa chỉ, họ và tên người đứng đầu, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh, địa điểm kinh doanh.

2. Thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp bao gồm: Đang hoạt động; Tạm ngừng kinh doanh; Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; Đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập; Đang làm thủ tục phá sản; Đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại.

3. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, doanh thu,

sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật, bao gồm: kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác; việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của doanh nghiệp, các hình thức chế tài (nếu có), Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp

1. Thông tin về đăng ký doanh nghiệp của các doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được Bộ Tài chính công khai trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để các cơ quan chức năng khai thác, tra cứu, trao đổi thông tin về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Trường hợp thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bị thiếu hoặc chưa chính xác so với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy do quá trình chuyển đổi dữ liệu, Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (đối với doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở trong Khu công nghệ cao) hướng dẫn doanh nghiệp hoặc trực tiếp bổ sung, cập nhật thông tin theo quy định.

2. Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính là đầu mối cập nhật thông tin về đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố được công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp vào Cổng thông tin doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh để cung cấp, chia sẻ thông tin về đăng ký doanh nghiệp cho các cơ quan chức năng. Nội dung cập nhật, chia sẻ gồm những thông tin quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 6 Quy chế này.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã cập nhật thông tin về Hộ kinh doanh và các địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh trên địa bàn được công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp vào Cổng thông tin doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh để cung cấp, chia sẻ thông tin về đăng ký Hộ kinh doanh cho các cơ quan chức

năng.

4. Các cơ quan chức năng công khai trên Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố các thông tin quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 6 Quy chế này theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý, tình trạng hoạt động của doanh nghiệp

1. Trên cơ sở khai thác từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Sở Tài chính là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để các cơ quan chức năng tra cứu và thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

2. Sở Tài chính định kỳ đối chiếu thông tin trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia với thông tin do cơ quan thuế quản lý trực tiếp cung cấp về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp.

3. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm cập nhật thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp vào chương trình hậu kiểm trên Cổng thông tin doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất xử lý phát sinh sự việc và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc không cập nhật hoặc cập nhật không đúng thời hạn (trừ các trường hợp theo quy định của luật chuyên ngành).

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

1. Các cơ quan chức năng chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý theo quy định.

2. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm cập nhật thông tin về quản lý nhà nước đối với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vào chương trình Hậu kiểm trên Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các cơ quan chức năng thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật

1. Các cơ quan chức năng cập nhật thông tin về xử lý doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, việc chấp hành các quyết định xử lý, chấm dứt hành vi vi phạm vào chương trình hậu kiểm trên Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có phát sinh sự việc và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc không cập nhật hoặc cập nhật không đúng thời hạn (trừ các trường hợp theo quy định của luật chuyên ngành).

2. Thuế Thành phố công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh trên địa bàn thành phố có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế.

3. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm công khai doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý. Thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người đứng đầu đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả, việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của doanh nghiệp (nếu có).

Điều 11. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp

Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về hoạt động của doanh nghiệp của các cơ quan chức năng được thực hiện trên Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước.

Trường hợp có sự cố kỹ thuật không thực hiện được trên Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố thì việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, công khai thông tin về hoạt động của doanh nghiệp của các cơ quan chức năng được thực hiện thông qua hộp thư điện tử của các cơ quan hoặc bằng văn bản.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP; THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP VÀ XỬ LÝ VI PHẠM CỦA DOANH NGHIỆP VỀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KIỆN TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 12. Nội dung phối hợp trong công tác kiểm tra, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và xử lý doanh nghiệp vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Nội dung phối hợp trong kiểm tra doanh nghiệp bao gồm: phối hợp xây dựng kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, phối hợp tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp.

2. Nội dung phối hợp trong thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Nội dung phối hợp trong xử lý doanh nghiệp vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài gồm: phối hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp; yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp

1. Xây dựng kế hoạch và phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

- Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp phải có nội dung chủ yếu sau đây: mục đích, yêu cầu, phạm vi, nội dung, tên doanh nghiệp, hình thức (thanh tra hay kiểm tra), thời gian, đơn vị thực hiện hoặc đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các nội dung khác (nếu có).

- Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh có thể được xây dựng độc lập hoặc là một trong các nội dung của Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của Thành phố.

- Thanh tra Thành phố là cơ quan xây dựng dự thảo Kế hoạch thanh tra, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố cho ý kiến về chủ trương, ký ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thanh tra; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch thanh tra theo thẩm quyền.

- Các Sở, ban, ngành; UBND các phường, xã, đặc khu xây dựng Kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp hàng năm của đơn vị trên cơ sở tổng hợp nhu cầu kiểm tra doanh nghiệp của các phòng, ban, đơn vị phụ thuộc; trình Thủ trưởng đơn vị phê duyệt Kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp của đơn vị mình.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã là cơ quan đầu mối xây dựng Kế hoạch kiểm tra Hộ kinh doanh hàng năm trên cơ sở tổng hợp đề xuất kiểm tra của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để phê duyệt Kế hoạch kiểm tra Hộ kinh doanh của đơn vị mình.

2. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm phối hợp triển khai xây dựng Kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp hàng năm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Trước ngày 10 tháng 11 hàng năm, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành thuộc Sở, ban, ngành Thành phố, UBND cấp xã trình Kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề của cơ quan, đơn vị mình cho Thủ trưởng đơn vị.

- Chậm nhất ngày 05 tháng 12 hàng năm, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành thuộc Sở, ban, ngành Thành phố, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (cấp xã) trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phê duyệt Kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề của cơ quan, đơn vị mình.

- Chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm; Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt Kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề của cơ quan, đơn vị mình. Kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp được gửi cho đối tượng kiểm tra và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Khi tiến hành hoạt động thanh tra, kiểm tra; trường hợp có sự chồng chéo thì cơ quan tiến hành thanh tra và cơ quan thực hiện kiểm tra phối hợp xử lý; trường hợp không thống nhất được thì cơ quan thanh tra tiến hành thanh tra.

- Các cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm cập nhật kế hoạch kiểm tra lên hệ thống cổng thông tin doanh nghiệp

của Thành phố và đối chiếu với kế hoạch kiểm tra của các cơ quan chức năng khác trên địa bàn khi xây dựng kế hoạch kiểm tra của mình để giảm thiểu trùng lặp về đối tượng; đồng thời thông báo cho các cơ quan có trùng lặp về đối tượng biết để phối hợp thực hiện.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp theo đúng kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp đã được phê duyệt hoặc tiến hành kiểm tra doanh nghiệp không theo kế hoạch phê duyệt hàng năm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, Các Sở, ngành thành phố, Ban quản lý được giao chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp có trách nhiệm chủ trì hoặc trong trường hợp cần thiết Ủy ban nhân dân thành phố giao một cơ quan khác chủ trì, các cơ quan liên quan cử cán bộ tham gia. Kết quả kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan chức năng tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn kiểm tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan kiểm tra chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định.

2. Trường hợp trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình kiểm tra doanh nghiệp, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Kết quả kiểm tra doanh nghiệp phải được công khai theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị trực thuộc kiểm tra, giám sát doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh theo nội dung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, xử lý các hành vi vi phạm về đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính; phối hợp với các Sở, ngành kiểm tra, theo dõi, giám sát, tổng hợp tình hình và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm sau đăng ký thành lập của doanh nghiệp tại địa phương.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính và Ban quản lý khu công nghệ cao có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15, các cơ quan chức năng không được ban hành văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khác với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15, Khoản 1 Điều 71 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp. Thông tin về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được công khai trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để các cơ quan chức năng quản lý nhà nước về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài tra cứu, xử lý theo quy định của pháp luật đối với các điều kiện kinh doanh đối với doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các bước thực hiện như sau:

1. Các cơ quan chức năng có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định hành vi vi phạm.

2. Sau khi nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác minh. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải được thể hiện bằng văn bản, trách nhiệm cụ thể:

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản trả lời văn bản do cơ quan đó cấp bị giả mạo;

b) Cơ quan công an xác minh nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo;

c) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng bị

cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố có trách nhiệm xác minh tình hình hoạt động, việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tại địa bàn quản lý; xác minh doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế.

3. Khi nhận được văn bản của cơ quan chức năng xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp theo quy định, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng đã có yêu cầu thu hồi và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở.

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở có trách nhiệm kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền nếu doanh nghiệp tiếp tục hoạt động sau khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp có trụ sở/chỉ nhánh, văn phòng đại diện/địa điểm hoạt động trong Khu chế xuất, Khu Công nghiệp, Khu Công nghệ cao, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và chuyển hồ sơ đến Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính xử lý nếu doanh nghiệp tiếp tục hoạt động sau khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý vi phạm của doanh nghiệp về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Các cơ quan chức năng có thẩm quyền quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài thuộc địa bàn, lĩnh vực phụ trách có trách nhiệm cập nhật, trao đổi, cung cấp, công khai các điều kiện kinh doanh (cấp, thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài

nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật; kết quả xử lý vi phạm về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài; yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành) vào thông tin của doanh nghiệp trên Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố theo quy định tại Chương II Quy chế này.

Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính thực hiện cấp đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và pháp luật có liên quan. Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài và điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực phụ trách của các ngành đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố công khai trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Phối hợp xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài:

a) Các cơ quan chức năng quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh;

b) Thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính:

Doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật.

Doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Khi nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chức năng quy định tại Khoản 2 Điều này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản thông báo, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính thực hiện như sau:

a) Đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều

kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật:

Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài. Trường hợp doanh nghiệp không tạm ngừng, không chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo yêu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15.

b) Đối với doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành:

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cập nhật thông tin vi phạm nêu trên của doanh nghiệp vào chương trình Hậu kiểm trên Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có phát sinh sự việc và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc không cập nhật hoặc cập nhật không đúng thời hạn (trừ các trường hợp theo quy định của pháp luật chuyên ngành).

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và công bố trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã bị Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh ngành,

ngành kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành xử lý theo thẩm quyền hành vi vi phạm và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

Đối với doanh nghiệp có trụ sở/chi nhánh, địa điểm kinh doanh hoạt động trong Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp của thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã bị Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý theo thẩm quyền hành vi vi phạm và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

Chương IV

PHỐI HỢP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, HỢP TÁC XÃ SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 17. Trách nhiệm của Sở, ngành Thành phố, Ban Quản lý chuyên ngành

1. Thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành đối với Liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin Liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã được thực hiện theo quy định tại Chương II Quy chế này.

2. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về Liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã (Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã) có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động kiểm tra Liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã theo quy định. Việc phối hợp xây dựng Kế hoạch kiểm tra Liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

3. Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra Liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã theo kế hoạch kiểm tra liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tiến hành kiểm tra không theo kế hoạch được phê duyệt theo quy định của pháp luật, xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên

ngành.

4. Trong quá trình quản lý nhà nước chuyên ngành đối với liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật, các Sở, ngành Thành phố, Ban Quản lý có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã trong các trường hợp sau:

a) Phát hiện nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký của liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã không trung thực, không chính xác;

b) Lợi dụng danh nghĩa liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã để hoạt động trái pháp luật;

c) Hoạt động trong ngành, nghề mà pháp luật cấm;

d) Hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

đ) Chuyển trụ sở chính sang địa phương khác với nơi đăng ký trong thời hạn 01 năm mà không đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

e) Không đăng ký mã số thuế trong thời hạn 01 năm kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện pháp luật đối với liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã trên địa bàn quản lý; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã của cá nhân và tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

3. Yêu cầu liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã báo cáo về tình hình hoạt động của hợp tác xã và đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo của hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

4. Chỉ đạo Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra tình hình hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã; xác minh nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã trên địa bàn quản lý.

5. Định kỳ hàng năm, chỉ đạo Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã của năm, báo cáo kết quả phân loại, đánh giá liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã của năm trên địa bàn quản lý gửi Sở Tài chính theo quy định.

Chương V

PHỐI HỢP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 19. Trách nhiệm của Sở, ban, ngành quản lý chuyên ngành

1. Thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin Hộ kinh doanh được thực hiện theo quy định tại Chương II Quy chế này.

2. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng Kế hoạch kiểm tra và phối hợp tổ chức thực hiện công tác kiểm tra Hộ kinh doanh được thực hiện theo quy định tại Chương III Quy chế này.

3. Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra hộ kinh doanh theo kế hoạch kiểm tra hộ kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tiến hành kiểm tra không theo kế hoạch được phê duyệt theo quy định của pháp luật, xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Các Sở, ngành quản lý nhà nước về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho hộ kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

b) Đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp hộ kinh doanh

vẫn tiếp tục hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Cập nhật hàng ngày vào Hệ thống thông tin về đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh các thông tin cấp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tạm ngưng hoạt động của hộ kinh doanh. Định kỳ tháng, quý, năm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính, các Sở, ngành quản lý chuyên ngành và thông báo cho Thuế cơ sở, Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn.

2. Chỉ đạo Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra hoạt động của Hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm trong hoạt động của Hộ kinh doanh.

Chương VI

BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, HỢP TÁC XÃ, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 21. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

a) Trao đổi, chia sẻ, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh;

b) Kiểm tra doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh;

c) Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

d) Xử lý vi phạm của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

đ) Các nội dung khác quy định tại Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn thành phố trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập của thành phố.

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Chậm nhất ngày 15 tháng 01 hàng năm, các cơ quan chức năng có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được phân công và tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 21 Quy chế này của năm liền trước, số liệu báo cáo được tổng hợp từ Công Thông tin doanh nghiệp Thành phố.

2. Phòng Kiểm tra pháp chế thuộc Sở Tài chính là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại Khoản 2 Điều 21 Quy chế này.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Kinh phí triển khai, thực hiện Quy chế phối hợp

Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn Thành phố được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 24. Điều khoản thi hành

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cá nhân, tổ chức phản ánh kịp thời về Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung theo quy định./.